

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

1. Họ và tên đang dùng : **NGUYỄN PHÚC CHÍNH**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh : **11 tháng 8 năm 1962**
4. Nơi sinh: **Xã Mỹ Yên, huyện Đại từ, tỉnh Thái Nguyên**
5. Quê quán : **Xã Mỹ Yên - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên**
6. Dân tộc : **Kinh** Tôn giáo : **Lương**
7. Ngày vào Đảng cộng sản Việt Nam : **21 tháng 10 năm 1994.**
Chính thức : **21 tháng 10 năm 1995**
8. Chức vụ: **Trưởng phòng**
9. Nơi công tác: **Phòng đào tạo, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên**
10. Nơi ở hiện nay : **Tổ 13 - Phường Phan Đình Phùng - TP Thái Nguyên**
11. Điện thoại: 0280.3653559 (CQ); 02803852563 (NR) 0982116208 (Mobil)

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học

Hệ đào tạo: **Chính quy**

Thời gian : **từ tháng 9 năm 1979 đến tháng 9 năm 1983**

Ngành đào tạo: **Sư phạm Sinh – KTNN**

Nơi đào tạo: **Khoa Sinh - KTNN, trường Đại học Sư phạm Việt Bắc**

2. Thạc sỹ

Hệ đào tạo: **Chính quy**

Thời gian : **từ tháng 9 năm 1986 đến tháng 9 năm 1988**

Nơi đào tạo: **Khoa Sinh, trường Đại học Sư phạm Hà Nội**

Ngành đào tạo: **Giáo dục học**

Chuyên ngành: **Phương pháp dạy học Sinh học**

Tên luận văn: **Xây dựng và sử dụng phim đèn chiếu giảng dạy sinh học đại cương**

Ngày bảo vệ: **Tháng 9 năm 1988**

Người hướng dẫn: **PTS. Đinh Quang Báo; PTS Võ Thế Quân**

3. Tiến sỹ

Hình thức đào tạo: **Không tập trung**

Thời gian đào tạo: **Từ tháng 10 năm 1999 đến tháng 10 năm 2004**

Nơi đào tạo: **Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục**

Tên luận án: **Nâng cao hiệu quả dạy học giải phẫu sinh lý người bằng phương pháp Grap.**

Người hướng dẫn: **PGS.TS Nguyễn Quang Vinh; TS Nguyễn Như Át**

Ngày bảo vệ: **25 tháng 2 năm 2005**

4. Trình độ ngoại ngữ : (ghi rõ trình độ A,B,C) :

- Tiếng Anh :Cử nhân
- Tiếng Trung quốc : C
- Tiếng Nga : C
- Tiếng Nhật : B

5. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp:

Học vị: *Tiến sĩ Giáo dục học* Số bằng: 03921

Ngày cấp: *25 tháng 8 năm 2005*

Học hàm: *Phó giáo sư*

Số giấy chứng nhận: 0068/PGS theo quyết định số 222/2009/QĐ-HĐCDGSNN, ngày 17 tháng 11 năm 2009.

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

1. Từ năm 1983 : *là cán bộ giảng dạy Khoa Sinh trường ĐHSP Việt Bắc, nay là ĐHSP thuộc Đại học Thái Nguyên.*
2. Từ năm 1984 đến 1985 : *Học chuyên tu ngoại ngữ (tiếng Nga) tại ĐHSPPVB.*
3. Từ năm 1986 đến 1988 : *Học sau đại học tại Trường ĐHSP Hà Nội*
4. Năm 1991 : *Học tiếng Nhật Tại Viện đại học Mở Hà Nội.*
5. Năm 1992 - 1993 : *Học tiếng Trung quốc (C) tại trường ĐHSP Việt bắc.*
6. Năm 1993 - 1998 : *Học Đại học Ngoại ngữ, ngành tiếng Anh (Hệ tại chức) tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.*
7. Từ năm 1999 đến 2005: *Phó trưởng khoa Sinh – KTN, Trường ĐHSP Thái Nguyên.*
8. Từ 2005 đến 2010: *Trưởng khoa Sinh – KTN, Trường ĐHSP Thái Nguyên.*
9. Từ 2010 đến nay 2023: *Trưởng phòng Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên*

III. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC

1. Sách, giáo trình đã xuất bản

- [1] Nguyễn Phúc Chính (2017), *Hồ sơ năng lực dạy học của giáo viên trung học phổ thông theo định hướng dạy học tích hợp*, Nhà xuất bản đại học Thái Nguyên.
- [2] Nguyễn Phúc Chính (chủ biên), Nguyễn Như Át (2014), *Phát triển chương trình, sách giáo khoa sinh học*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội
- [3] Nguyễn Phúc Chính (2012), *Tích hợp trong dạy học sinh học*, NXB Đại học Thái Nguyên.
- [4] Nguyễn Phúc Chính (2010), *Tài liệu hỗ trợ giáo viên tập sự môn Sinh học*, Dự án phát triển GV THPT & TCCN.
- [5] Nguyễn Phúc Chính (chủ biên) - Phạm Đức Hậu (2007), *Ứng dụng tin học trong nghiên cứu khoa học giáo dục và dạy học sinh học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Phúc Chính (2005), *Phương pháp graph trong dạy học Sinh học*, NXB Giáo dục, HN.

2. Đề tài, chương trình, dự án KH&CN đã chủ trì

Chủ trì đề tài cấp Bộ:

- [1] Nguyễn Phúc Chính (2013), *Hình thành năng lực dạy học tích hợp cho giáo viên trung học phổ thông*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ Trọng điểm, Mã số: B2010 – TN03 – 30TĐ, nghiệm thu năm 2013.
- [2] Nguyễn Phúc Chính (2007), *Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học học phần hệ thống động vật ở khoa sinh KTN*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Mã số: B2005-05-17, nghiệm thu tháng 6 năm 2007, loại tốt.

[3] Nguyễn Phúc Chính (2004), *Vận dụng dạy học giải quyết vấn đề trong dạy học sinh thái học ở trường phổ thông*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Mã số: B2002-03-19, nghiệm thu tháng 12 năm 2004, loại tốt.

[4] Nguyễn Phúc Chính (2001), *Hình thành một số biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy sinh thái học ở các trường trung học phổ thông miền núi phía bắc*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Mã số: B99-03-32, nghiệm thu tháng 11 năm 2001, loại tốt.

Chủ trì đề tài cấp cơ sở:

“Ứng dụng tin học xây dựng và sử dụng ngân hàng hình ảnh trong dạy học sinh học 10”, nghiệm thu tháng 4 năm 2008, loại tốt.

3. Các bài báo, báo cáo khoa học

3.1. Bài báo, báo cáo khoa học trong nước

1. Phạm Hồng Tú, Dương Thụy Kiều, Nguyễn Phúc Chính (2024), “Vận dụng dạy học theo dự án để phát triển năng lực tự học cho học sinh trong dạy học chuyên đề “Công nghệ enzyme và ứng dụng” (Sinh học 10)”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Việt Nam.
2. Nguyễn Phúc Chính (2016), “Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực dạy học tích hợp của giáo viên Sinh học ở trường THPT”, *Tạp chí Giáo dục*, Số 395, Kỳ 1 tháng 12 năm 2016, tr.52.
3. Trương Mộng Diễm, Nguyễn Phúc Chính (2015), “Cơ sở khoa học của việc vận dụng Algorit sáng chế vào dạy học”, *Tạp chí Giáo dục*, Số 361, Kỳ 1-7/2015, tr.16.
4. Nguyễn Phúc Chính, Vũ Thị Nga (2015), “Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông của Anh”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Số 114, Tháng 3 năm 2015, tr.58.
5. Hoàng Việt Cường, Nguyễn Phúc Chính (2014), “Vai trò thí nghiệm trong dạy học Sinh học”, *Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, Tập 129, số 15, 2014, tr.173.
6. Nguyễn Phúc Chính (2013), “Đào tạo theo học chế tín chỉ ở trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên” *Tạp chí Giáo dục*, số 320 kỳ 2, tháng 10 năm 2013, tr.7.
7. Nguyễn Phúc Chính (2013), “Phối hợp giáo dục nghiệp vụ sư phạm giữa trường sư phạm với các trường phổ thông, mầm non”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các trường, khoa sư phạm với các trường phổ thông và mầm non trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên chuẩn bị triển khai chương trình giáo dục sau 2015*, tháng 9 năm 2013, tr.209.
8. Nguyễn Phúc Chính, Nguyễn Thị Hằng (2013), “Một số vấn đề chung về dạy học theo vấn đề”, *Tạp chí Giáo dục*, Số 309, Kỳ 1 tháng 5 năm 2013, tr.32.
9. Nguyễn Phúc Chính – Trương Mộng Diễm (2013), “Tổng quan về Algorit sáng chế (sáng tạo)”, *Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, Tập 114, Số 14, 2013 tr.211.
10. Nguyễn Phúc Chính (2012), “Vận dụng quan điểm tích hợp trong dạy học ở trường trung học phổ thông”, *Tạp chí Giáo dục*, Số 296, kỳ 2 tháng 10 năm 2012, tr.51.
11. Nguyễn Phúc Chính, Trương Mộng Diễm (2012), “Tích hợp giáo dục dân số - sức khỏe sinh sản trong dạy học chương “Sinh sản” (Sinh học 11)”, *Tạp chí Giáo dục*, Số 282 (kỳ 2 tháng 3 năm 2012), tr 47.
12. Nguyễn Phúc Chính, Phạm Thị Hồng Tú (2012), “Xây dựng và sử dụng bản đồ khái niệm trong tự học chương “Cơ chế di truyền và biến dị” (Sinh học 12)”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*, Tập 95, số 07, 2012, tr.163.

13. Nguyễn Phúc Chính (2012), “Dạy học ở trường phổ thông trong nền kinh tế tri thức”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về giảng dạy sinh học ở trường phổ thông Việt nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, tr 27.
14. Nguyễn Phúc Chính (2011), “Một số vấn đề về đào tạo theo nhu cầu xã hội nhìn từ góc độ phát triển năng lực” *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt, tháng 9 năm 2011, tr.19.
15. Nguyễn Phúc Chính, Phạm Thị Hồng Tú (2011), “Thiết kế bản đồ khái niệm trong dạy học Sinh học 12”, *Tạp chí Giáo dục*, số 265, kỳ 1, tháng 7 năm 2011, tr 50.
16. Nguyễn Phúc Chính, Nguyễn Thị Hằng (2010), “Dạy kiến thức quá trình sinh học ở cấp độ phân tử (sinh học 12) theo quan điểm của thuyết kiến tạo”, *Tạp chí Giáo dục*, Số 236 (kỳ 2 – tháng 4 năm 2010), tr 44.
17. Nguyễn Phúc Chính (2009), “Dạy học ở trường phổ thông trong nền kinh tế tri thức”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Nhà trường Việt nam trong một nền giáo dục tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc”* (TP Hồ Chí Minh, 27 tháng 11 năm 2009), tr.131
18. Nguyễn Phúc Chính, Phạm Thị Hồng Tú (2009), “Sử dụng phần mềm CmapTool lập bản đồ khái niệm”, *Tạp chí Giáo dục*, số 218, kỳ 2 tháng 7 năm 2009, tr 38.
19. Nguyễn Phúc Chính (2009), “Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa Sinh học của Australia”, *Tạp chí Giáo dục*, số 212, kỳ 2 tháng 4 năm 2009, tr.55.
20. Nguyễn Phúc Chính (2009), “Cơ sở lý thuyết của bản đồ khái niệm”, *Tạp chí Giáo dục*, số 210, kỳ 2 tháng 3 năm 2009.
21. Nguyễn Phúc Chính, Trần Thị Mai Lan (2009), “Tích hợp giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Vi sinh vật (Sinh học 10)”, *Tạp chí Giáo dục*, số 206, Kỳ 2 tháng 1/ 2009, tr 44.
22. Nguyễn Phúc Chính, Ngô Thuý Ngân (2008), “Sử dụng phương pháp grap dạy bài tổng kết chương trong dạy học sinh học tế bào (sinh học 10)”, *Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, Số 2(46) tập 2 năm 2008, tr 36.
23. Nguyễn Phúc Chính, Nguyễn Thị Thuý (2008). “Quy trình kiểm định câu hỏi trắc nghiệm khách quan (MCQ) trong dạy học sinh học”, *Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, Số 2(46) tập 2 năm 2008, tr 57.
24. Nguyễn Phúc Chính, Nguyễn Đình Tâm (2008), “Thiết kế mô hình động trong dạy học sinh học 10 bằng phần mềm MacroMedia Flash”, *Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, Số 4 (48) tập 1 năm 2008, tr 106.
25. Nguyễn Phúc Chính (2006), “Ứng dụng phần mềm Flash thiết kế mô hình động để dạy bài Kỹ thuật di truyền (Sinh học 12)”, *Tạp chí khoa học và công nghệ ĐH Thái Nguyên*, Tháng 10 năm 2006, tr 202.
26. Nguyễn Phúc Chính (2006), “Ứng dụng FrontPage thiết kế giáo án phân loại động vật”, *Tạp chí khoa học và công nghệ ĐH Thái Nguyên*, Số 2 (38) tập 1, năm 2006, tr 105.
27. Nguyễn Phúc Chính (2005), “Về phát triển nhận thức khoa học của học sinh trong dạy học ở trường phổ thông”, *Tạp chí Giáo dục*, số 127 năm 2005, tr 41.
28. Nguyễn Phúc Chính (2008), “Giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, số 191, năm 2008, tr 13.
29. Nguyễn Phúc Chính (2004), “Sử dụng phương pháp grap với tiếp cận hệ thống cấu trúc trong dạy học sinh học”, *Tạp chí Phát triển giáo dục*, số 5(65) năm 2004, tr.15.
30. Nguyễn Phúc Chính (2004), “Sử dụng grap trong dạy học sinh học góp phần phát triển tư duy hệ thống cho học sinh”, *Tạp chí Giáo dục*, Số 89 năm 2004, tr 29.

31. Nguyễn Phúc Chính (2004), “Cải tiến phiếu đánh giá giờ giảng của sinh viên khoa Sinh trường Đại học Sư phạm”, *Tạp chí Giáo dục*, số chuyên đề 2004, tr 45.
32. Nguyễn Phúc Chính (2003), “Vận dụng graph để khắc phục tính hình thức trong dạy học sinh học” *Tạp chí Giáo dục*, số 46, tr 30.
33. Nguyễn Phúc Chính (2002), “Dạy học và giáo dục trí tuệ” Kỷ yếu hội thảo những vấn đề giáo dục và tâm lý của học sinh và sinh viên, Nhà xuất bản nông nghiệp, 2002, tr. 94.
34. Nguyễn Phúc Chính (2002), “Vấn đề xây dựng giả thuyết nghiên cứu trong các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên sư phạm”, *Tạp chí Giáo dục*, Số 43 năm 2002, tr. 23.
35. Nguyễn Phúc Chính (2001), “Ứng dụng lý thuyết graph hướng dẫn học sinh xác định quan hệ lưới thức ăn (Sinh học 11)”, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, Số 3 năm 2001, tr 26.
36. Nguyễn Phúc Chính (2001), “Vận dụng lý thuyết graph trong dạy học giải phẫu sinh lý người (Sinh học 9)” *Kết quả nghiên cứu khoa học và dạy học sinh học năm 2000 - 2001*, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật Hà Nội.
37. Nguyễn Phúc Chính (2001), “Một số khái niệm cơ bản của lý thuyết graph và graph dạy học sinh học”, *Kết quả nghiên cứu khoa học và dạy học sinh học năm 2000 - 2001*, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật Hà Nội.
38. Nguyễn Phúc Chính (2000), “Bước đầu nghiên cứu chuyển hóa graph toán học thành graph dạy học sinh học”, *Kỷ yếu hội nghị khoa học của NCS*, Viện khoa học Giáo dục, tháng 12 năm 2000, tr 108.
39. Nguyễn Phúc Chính (1999), “Sử dụng Graph nhằm tích cực hóa hoạt động nhận thức của học sinh trong dạy học sinh thái học”, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số 4 năm 1999, tr.20.

3.1. Bài báo khoa học nước ngoài

- [1] Nguyen Phuc Chinh (2018) “Vocational Orientation in Secondary School in Vietnam”, Proceeding of International Conference on the Stratergy of Technology Education in Paradigm Shift for Creation and Innovation, Korea, 17 /1/2008, Page 462.

3.2. Hoạt động đào tạo

1. Đào tạo đại học: từ năm 1983
2. Đào tạo sau Đại học: Đã hướng dẫn: 45 thạc sỹ, 04 Tiến sỹ

T T	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Năm bảo vệ
		NCS	CH	Chính	Phụ			
Hướng dẫn thạc sỹ								
1	Nguyễn Thị Thủy		x	x		2006-2008	Trường ĐHSPTN	2008
2	Nguyễn Đình Tâm		x	x		2006-2008	Trường ĐHSPTN	2008
3	Ngô Thúy Ngân		x	x		2006-2008	Trường ĐHSPTN	2008
4	Trần Thị Mai Lan		x	x		2007-2009	Trường ĐHSPTN	2009
5	Nguyễn Hồng Trang		x	x		2007-2009	Trường ĐHSPTN	2009
6	Nguyễn Thu Trang		x	x		2007-2009	Trường ĐHSPTN	2009
7	Trương Thị Thanh		x	x		2008-2010	Trường ĐHSPTN	2010
8	Phạm Thị Uyên		x	x		2008-2010	Trường ĐHSPTN	2010
9	Bùi Thúy Hương		x	x		2008-2010	Trường ĐHSPTN	2010
10	Nguyễn T Thu Hằng		x	x		2008-2010	Trường ĐHSPTN	2010
11	Trương Mộng Diễm		x	x		2009-2011	Trường ĐHSPTN	2011

12	Nguyễn Thị Thuý		x	x		2009-2011	Trường ĐHSPTN	2011
13	Hà Thị Ly		x	x		2009-2011	Trường ĐHSPTN	2011
14	Lò Văn Lợi		x	x		2010-2012	Trường ĐHSPTN	2012
15	Nguyễn Thị Trang		x	x		2010-2012	Trường ĐHSPTN	2012
16	Nguyễn Thị Ngọc		x	x		2010-2012	Trường ĐHSPTN	2012
17	Nguyễn Thị Hà		x	x		2010-2012	Trường ĐHSPTN	2012
18	Đoàn Thanh Hà		x	x		2011-2013	Trường ĐHSPTN	2013
19	Lưu Thị Luyện		x	x		2011-2013	Trường ĐHSPTN	2013
20	Hoàng Thanh Tâm		x	x		2011-2013	Trường ĐHSPTN	2013
21	Ngô Thị Hằng		x	x		2011-2013	Trường ĐHSPTN	2013
22	Trần Thị Thu Trang		x	x		2012-2014	Trường ĐHSPTN	2014
23	Lại Thu Thảo		x	x		2012-2014	Trường ĐHSPTN	2014
24	Lê Thị Thu Huyền		x	x		2012-2014	Trường ĐHSPTN	2014
25	Nguyễn Thị Yên		x	x		2012-2014	Trường ĐHSPTN	2014
26	Nông Thúy Quỳnh		x	x		2013 - 2015	Trường ĐHSPTN	2015
27	Đoàn Thị Hương		x	x		2013 - 2015	Trường ĐHSPTN	2015
28	Ngô Thị Thảo		x	x		2013 - 2015	Trường ĐHSPTN	2015
29	Lê Thị Thu Hương		x	x		2013 - 2015	Trường ĐHSPTN	2015
30	Nguyễn Diệu Hương		x	x		2014 - 2016	Trường ĐHSPTN	2016
31	Bùi Biên Cương		x	x		2014 - 2016	Trường ĐHSPTN	2016
32	Phạm Hải Yến		x	x		2015-2017	Trường ĐHSPTN	2017
33	Dương Hải Yến		x	x		2015-2017	Trường ĐHSPTN	2017
34	Triệu Đức Hải		x	x		2016-2018	Trường ĐHSPTN	2018
35	Phạm Huyền Trang		x	x		2016-2018	Trường ĐHSPTN	2018
36	Đinh Thu Hương		x	x		2016-2018	Trường ĐHSPTN	2018
37	Nông Thị Hằng		x	x		2017-2019	Trường ĐHSPTN	2019
38	Hoàng Thị Thu Hà		x	x		2017-2019	Trường ĐHSPTN	2019
39	Luân Thị Như		x	x		2017-2019	Trường ĐHSPTN	2019
40	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		x	x		2017-2019	Trường ĐHSPTN	2019
41	Nguyễn Thị Hương		x	x		2017-2019	Trường ĐHSPTN	2019
42	Nguyễn Quang Duy		x	x		2018-2020	Trường ĐHSPTN	2020
43	Trần Thị Hương Giang		x	x		2018-2020	Trường ĐHSPTN	2020
44	Nguyễn Huy Tâm		x	x		2021-2023	Trường ĐHSPTN	2023
45	Hoàng Văn Kingthong		x	x		2022-2024	Trường ĐHSPTN	2024
Hướng dẫn nghiên cứu sinh								
1.	Phạm Thị Hồng Tú	x		x		2009-2012	Viện KHGD VN	2014
2.	Trần Thị Mai Lan	x			x	2010-2013	Trường ĐHSPTN HN	2014
3.	Nguyễn Thị Hằng	x		x		2011-2014	Trường ĐHSPTN	2015
4.	Trương Mộng Diễm	x		x		2012-2015	Trường ĐHSPTN	2019

V. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Khen thưởng :

- Năm 2004 được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen số 740/GD-ĐT, ngày 18 tháng 12 năm 2004 về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2003 – 2004.
- Năm 2005 được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen số 6072/GD-ĐT về thành tích đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2004 – 2005.
- Năm 2005 được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục.
- Năm 2006 đã được Bộ trưởng Bộ khoa học và công nghệ tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
- Năm 2009 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen số 07 theo quyết định số 563/QĐ/TTg ngày 4 tháng 5 năm 2009.
- Năm 2009 được Hội đồng chức danh nhà nước cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư, và được Bộ giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư tại Đại học Thái Nguyên.
- Năm 2010 được Chủ tịch nước Cộng hòa xã Hội chủ Nghĩa Việt nam phong tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú.
- Từ năm 2000 đến nay liên tục đạt danh hiệu Giảng viên giỏi cấp cơ sở.
- Năm 2014 được chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng Ba theo Quyết định số 435/QĐ-CTN, ngày 19 tháng 2 năm 2014, của chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam.
- Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm 2016

Kỷ luật : Không

VI. TỰ NHẬN XÉT ƯU KHUYẾT ĐIỂM

- *Sống giản dị, lành mạnh, được đồng nghiệp và sinh viên yêu mến.*
- *Luôn hoàn thành xuất sắc mọi công việc được giao.*

VII. LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Thái nguyên, ngày tháng 2 năm 2025

(Người khai ký tên)